

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

Cao Phong, ngày 15 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th - Sinh năm: 1988.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Qu – Sinh năm 1983.

Cùng cư trú tại: Xóm O, xã N, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Tổng Giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Phong. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động tố tụng theo Quyết định số 389/QĐ – NHNo - PC ngày 23/3/2021 của Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mai Phương - Phó giám đốc (là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Xuân Trường – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Phong theo văn bản ủy quyền số 0812/NHN0.CP - UQ ngày 15/7/2021)

- Ngân hàng Chính sách xã hội. Địa chỉ: Số 169 – Phố Linh Đường – Hoàng Liệt - Hoàng Mai – Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động tố tụng theo Quyết định số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc về việc “Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án”

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cấn Văn Hùng – Phó giám đốc (là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đặng Hoàng Hoán – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong theo văn bản ủy quyền ngày số 38/UQ –

NHCS ngày 16/7/2021)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Q

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Qu thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Yến Ng sinh ngày 22/9/2007 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Yến Ng đủ 18 tuổi; Giao cháu Bùi Anh D, sinh ngày 09/09/2014 cho anh Bùi Văn Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Anh Dũng đủ 18 tuổi . Các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thanh được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 286428 – 4 – d. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CĐ 264125 do Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong cấp ngày 17/11/2016 cùng toàn bộ tài sản trên đất, bao gồm:

Một ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2017.

Tài sản khác trong nhà:

- 01 tivi nhãn hiệu Asitic.

- 01 giàn Karaoke (Bao gồm: 01 âm ly Caliphate pro – 203C; 01 đầu HD A700 hiệu JPK; 02 mic dây hiệu CAF, SHUFU SM 8000; 02 loa Caliphate; 01

tủ lạnh Panasonic mua năm 2010, 152 lít theo biên bản định giá tài sản lập ngày 21/9/2021)

Chị Th có trách nhiệm trả cho anh Qu 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2022, anh Quyền đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

2.4. Về công nợ chung: Chị Th có trách nhiệm trả cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Phong số tiền nợ gốc là 100.000.000 đ (*một trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 044508612 ngày 04/10/2017 và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong tổng số tiền của hai khoản vay có mã món vay là 6600000717268146 và 6600000710947228 là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và lãi xuất phát sinh theo quy định.

Anh Qu không phải trả.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị Th tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu số 0001619 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

Trả lại cho chị Bùi Thị Th số tiền 4.850.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai thu số 0001619 ngày 15/7/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình.
- Chi cục THA H. Cao Phong;
- VKSND H. Cao Phong;
- UBND xã Nam Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. M

THẨM PHÁN

Trần Đức Thịnh

